

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST

Ngày: 19-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Trần Thị Đúng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị H, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường N, sinh năm: 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố H..

(Giấy ủy quyền lập ngày 11/12/2019)

2. Bị đơn: Bà Lại Thị M, sinh năm: 1959 – Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp 2B, xã X, huyện Y, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Minh Mẫn, sinh năm: 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường N, sinh năm: 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền lập ngày 26/02/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có Ông Nguyễn Trường N trình bày:

Qua quan hệ quen biết, ngày 10/5/2017 Bà Lương Thị H có cho Bà Lại Thị M vay số tiền là 160.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 10/5/2017. Việc vay tiền được hai bên lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Đàm Sen, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/5/2017. Sau khi ký hợp đồng vay tiền này, Bà H đã giao và Bà M đã nhận đủ số tiền là 160.000.000 đồng. Để đảm bảo cho hợp đồng vay tiền này, Bà M có giao cho Bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1368/QSDD do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 05/4/2000 do Bà Lại Thị M đứng tên.

Giữa Bà Lương Thị H và Bà Lại Thị M có thỏa thuận miệng lãi suất với nhau là 2%/tháng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm Bà H cho Bà M vay đến nay thì Bà M không trả cho Bà H bất kỳ đồng lãi nào.

Đến nay, thời hạn vay tiền đã hết, Bà H cũng rất nhiều lần yêu cầu Bà M trả lại cho Bà H toàn bộ số tiền đã vay là 160.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận nhưng Bà Lại Thị M tìm nhiều lý do để hứa hẹn trả nợ, nhưng vẫn không trả tiền cho Bà H. Do đó, Bà Lương Thị H khởi kiện Bà Lại Thị M với yêu cầu cụ thể như sau:

Yêu cầu Bà M trả lại cho Bà H toàn bộ số tiền đã vay là 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể tiền lãi suất từ ngày 10/5/2017 đến ngày 10/5/2018 (12 tháng) với mức lãi suất là 20%/năm, tương ứng số tiền 32.000.000 đồng; lãi chậm thanh toán từ ngày 11/5/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính từ ngày 11/5/2018 đến ngày 12/11/2020 (30 tháng) với số tiền là 47.808.000 đồng. Tổng cộng số tiền Bà M phải trả cho Bà H là 239.808.000 đồng, yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra Bà H còn yêu cầu Bà M trả tiền lãi suất chậm trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi thi hành án xong.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu Bà M trả lại cho Bà H toàn bộ số tiền đã vay là 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể tiền lãi suất từ ngày 10/5/2017 đến ngày 10/5/2018 (12 tháng) với mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng số tiền 16.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 10/5/2017 đến ngày 10/5/2018 là 1.600.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 11/5/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/01/2021) với số tiền là

64.533.333 đồng. Tổng cộng số tiền Bà M phải trả cho Bà H là 242.133.333 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra Bà H còn yêu cầu Bà M trả tiền lãi suất chậm trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi thi hành án xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Bà Lại Thị M vắng mặt nên không thể hiện ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh Mẫn có Ông Nguyễn Trường N đại diện trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày ở trên của Bà Lương Thị H, không bổ sung yêu cầu gì. Số tiền Bà H cho Bà M vay là khoản tiền riêng của Bà H, không liên quan đến ông Phan Minh Mẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lương Thị H khởi kiện Bà Lại Thị M tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Theo kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc B cung cấp thì “*đương sự Lại Thị M, sinh năm 1959 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 2B, xã X B, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; bị

đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1]. Tòa án triệu tập bị đơn Bà Lại Thị M đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Bà Lương Thị H nhưng Bà M không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Bà M đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[4.2]. Căn cứ hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Đầm Sen công chứng số 00013419, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 5 năm 2017 giữa Bà Lương Thị H với Bà Lại Thị M, tại mặt sau của hợp đồng vay tiền này Bà M xác nhận số tiền vay của Bà H là 160.000.000 đồng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thì có thể xác định Bà M có vay của Bà H số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 năm, kể từ ngày 10/5/2017, lãi suất vay do các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bà M không trả tiền gốc và tiền lãi cho Bà H. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả tiền lãi suất từ ngày 10/5/2017 đến ngày 10/5/2018 (12 tháng) với mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng số tiền 16.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 10/5/2017 đến ngày 10/5/2018 là 1.600.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 11/5/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/01/2021) với số tiền là 64.533.333 đồng. Xét, theo hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Đầm Sen công chứng số 00013419, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 5 năm 2017 giữa các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay nhưng không thể hiện cụ thể lãi suất. Theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ”*. Vì

vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, để xác định lãi suất cho vay giữa Bà H và Bà M là 10%/năm.

[4.3.2]. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn cụ thể như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = 160.000.000 đồng (nợ gốc chưa trả) x lãi suất 10%/năm x 1 năm (thời gian vay chưa trả trên nợ gốc) = 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng);

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = 16.000.000 đồng (nợ lãi chưa trả) x lãi suất 10%/năm x 1 năm (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc) = 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng);

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 160.000.000 đồng (nợ gốc quá hạn chưa trả) x lãi suất 15%/năm (150% lãi suất trong hạn) x 02 năm 08 tháng 9 ngày (thời gian chậm trả nợ gốc từ ngày 11/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/01/2021) = 64.533.333 đồng (sáu mươi bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 16.000.000 đồng + 1.600.000 đồng + 64.533.333 đồng = 82.133.333 đồng (tám mươi hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

[5]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Bà Lại Thị M phải trả cho nguyên đơn Bà Lương Thị H tổng số tiền là 242.133.333 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó: tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi là 82.133.333 đồng.

[6]. Theo hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Đàm Sen công chứng số 00013419, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 5 năm 2017 thì không có thể hiện nội dung các bên có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo sự thừa nhận của nguyên đơn thì nguyên đơn hiện đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1368/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/4/2000 cho hộ Bà Lại Thị M để đảm bảo khoản vay của bị đơn. Do đó, Bà Lương Thị H có trách nhiệm trả lại cho Bà Lại Thị M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1368/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/4/2000 cho hộ Bà Lại Thị M.

[7]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị đơn là người cao tuổi (đủ 60 tuổi) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt và không có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án để Tòa án xem xét nên bị đơn Bà Lại Thị M phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 5, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lương Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với Bà Lại Thị M;

Buộc Bà Lại Thị M có trách nhiệm thanh toán cho Bà Lương Thị H số tiền là 242.133.333 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Hủy hợp đồng vay tiền do Văn phòng Công chứng Đàm Sen công chứng số 00013419, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 5 năm 2017 giữa Bà Lương Thị H với Bà Lại Thị M.

Bà Lương Thị H có trách nhiệm trả lại cho Bà Lại Thị M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1368/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/4/2000 cho hộ Bà Lại Thị M.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Bà Lại Thị M chịu 12.106.667 đồng (mười hai triệu một trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho Bà Lương Thị H số tiền tạm ứng án phí 6.480.000 đồng (sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) mà Bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0079163 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt